

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN

--***--

Bản án số: 40/2022/HSST

Ngày: 25/4/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI, TỈNH HUNG YÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Văn T.**

* Các hội thẩm nhân dân: - Bà **Nguyễn Thị L.**

- Bà **Lê Thị O.**

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Bà **Lê Thị T** – Kiểm sát viên.

* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị H** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/HSST ngày 01/4/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HS ngày 13/4/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn D H**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: thôn L, xã Th, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn D H1, sinh năm 1962; Con bà: Phan Thị T, sinh năm 1967; Anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Ngày 24/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xử phạt 05 năm tù về tội Cướp giật tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/10/2020.

Tiền sự: Chưa có.

Nhân thân:

+ Ngày 10/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng 26 ngày; về tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

+ Ngày 31/07/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 tháng tù; về tội: Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong bản án ngày 09/6/2015.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: ông Nguyễn K H, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Trú tại: thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1991. (vắng mặt)

2. Bà Phan Thị T, sinh năm 1967. (có mặt)

Đều trú tại: Thôn L, xã Th, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

3. Anh Hoàng H Đ, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Trú tại: thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 06/01/2022, Nguyễn D H điều khiển xe mô tô biển số 89B1-461.09 đi đến nhà Hoàng Văn Đ sinh năm 1991 ở cùng thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên chơi. Tại đây, H và Đ bàn bạc cùng nhau đi đến khu vực xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu sài. Đ đưa cho H một biển số 89K3-7638 và bảo gắn biển số này vào xe mô tô để tránh bị phát hiện khi thực hiện hành vi trộm cắp. Sau khi dùng dây chun buộc biển số 89K3-7638 vào xe xong thì H điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi sau đi đến khu vực khu dân cư mới Tân Phát thuộc thôn B, xã T, huyện K. Đến nơi, Đ phát hiện trên sân nhà bên trong trang trại nhà ông Nguyễn K H sinh năm 1964 có để 04 cuộn lưới thép B40. Quan sát xung quanh không có ai, trong trang trại không có người trông giữ nên Đ đã trèo qua bức tường bao quanh để vào trong trang trại; còn H đứng đợi ở ngoài nhằm mục đích canh giới và khi Đ trộm cắp được tài sản sẽ chở đi tiêu thụ. Đột nhập vào bên trong trang trại, Đ đã bê 04 cuộn lưới thép B40 ra vườn. Do có 02 cuộn bị han rỉ nghĩ bán sẽ không được giá nên Đ đã bỏ lại và chỉ bê 02 cuộn lưới thép B40 còn lại vút qua tường rồi bê ra xe mô tô của H đang đợi. Sau đó, H điều khiển xe chở Đ mang theo 02 cuộn lưới thép B40 vừa trộm cắp được đi đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Hoàng H Đ sinh năm 1976 ở thôn B, xã T bán được số tiền là 300.000 đồng. Số tiền này cả hai đã tiêu sài hết. Cùng ngày 06/01/2022, ông H2 đã trình báo sự việc nêu trên đến Công an xã T, huyện Khoái Châu.

Khoảng 10 giờ ngày 07/01/2022, H và Đ đang đi đến cổng làng thôn B, xã T, huyện K thì bị lực lượng Công an xã T, huyện K kiểm tra phát hiện đưa về trụ sở để làm việc. Tại đây, Đ và H đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Công an xã

T đã chuyển vụ việc cùng các vật chứng là: 01 xe mô tô biển số 89B1-461.09 và 01 biển số 89K3-7638 thu giữ của H và Đ; 02 cuộn lưới thép B40 do anh Hoàng H Đ tự nguyện giao nộp đến Cơ quan CSĐT – Công an huyện K để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan CSĐT – Công an huyện K đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K xác định giá trị đối với tài sản bị trộm cắp nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 11/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, kết luận tổng giá trị tài sản của 02 cuộn lưới thép B40 tại thời điểm định giá là 332.100 đồng.

Qua điều tra, xác định:

Đối với Hoàng Văn Đ do tài sản chiếm đoạt có giá trị dưới 2.000.000 đồng, bản thân Đ chưa có tiền án, tiền sự về các tội chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Đ. Ngày 07/3/2022, Công an huyện K đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Hoàng Văn Đ về hành vi Trộm cắp tài sản.

Đối với anh Hoàng H Đ là người mua 02 cuộn lưới sắt B40 mà bị cáo H bán, anh Đ không biết đây là những tài sản do trộm cắp mà có được và cũng không có hứa hẹn gì với H, do đó không có cơ sở để xem xét, xử lý.

Đối với 02 cuộn lưới thép B40 xác định là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn K H, 01 xe mô tô biển số 89B1-461.09 là tài sản hợp pháp của bà Phan Thị T sinh năm 1967 ở thôn L, xã Th, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (mẹ của bị cáo H). Bà T không biết việc bị cáo sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại những tài sản cho chủ sở hữu là ông H2 và bà T. Còn 01 biển số 89K3-7638 Định khai nhật được trước đó trên đường đi, Cơ quan CSĐT – Công an huyện K đã tách ra xác minh xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự ông Nguyễn K H và anh Hoàng H Đ cũng không có đề nghị gì về dân sự.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn D H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 38/CT-VKS-KC, ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Nguyễn D H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo: Nguyễn D H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như tại cơ quan điều tra và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo không có ý kiến gì về việc vắng mặt của người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Người bị hại anh Nguyễn K H vắng mặt lời khai của anh tại cơ quan điều tra anh đã thể hiện quan điểm là đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự. Về trách nhiệm hình sự đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn Đ, anh Hoàng H Đ đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn D H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo như sau:

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn D H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/01/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Truy tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền là 300.000 đồng của bị cáo Nguyễn D H.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và đã được thẩm tra công khai, kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên tại cơ quan điều tra họ đã có lời khai thể hiện đầy đủ quan điểm do vậy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 09/5/2022 tại thôn B, xã T, huyện K, Nguyễn D H là đối tượng có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản đã có hành vi trộm cắp 02 cuộn lưới thép B40 có trị giá 332.100 đồng của ông Nguyễn K H ở thôn B, xã T, huyện K sau đó đã bị phát hiện.

Mặc dù bị cáo trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo có 1 tiền án: Ngày 24/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xử phạt 05 năm tù về tội Cướp giật tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/10/2020, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được Bộ luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, bị cáo có nhân thân xấu đã nhiều lần bị xử lý hình sự. Bị cáo vừa chấp hành xong hình phạt tù của bản án trước nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ bị cáo bất chấp coi thường pháp luật, không chịu cải tạo sửa chữa. Vì vậy cần xét xử nghiêm buộc bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và nhằm răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định một hình phạt phù hợp với bị cáo:

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu nhiều lần bị kết án.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng lao động tự do không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử nhận thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về hình trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả cho người bị hại là ông Nguyễn K H, sau khi nhận lại tài sản ông không có đề nghị gì về phần bồi thường dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng H Đ tại Cơ quan điều tra anh khai nhận khi mua tài sản mà bị cáo bán cho anh, anh không biết đây là tài sản mà bị cáo trộm cắp, trong quá trình điều tra anh đã giao nộp lại tài sản và Cơ quan điều tra công an huyện K đã trả lại cho chủ sở hữu, về số tiền mà anh bỏ ra mua tài sản của bị cáo anh không yêu cầu lấy lại vì số tiền đó không lớn.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 89B1-461.09 xác định là tài sản hợp pháp của Bà Phan Thị T sinh năm 1967 ở thôn L, xã Th, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (mẹ của bị cáo H). Khi bị cáo sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội bà T không biết. Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K đã trả lại xe cho bà, bà đã nhận lại xe, xe không bị hư hỏng gì vì vậy bà không có đề nghị gì về phần bồi thường dân sự nên không phải xem xét giải quyết.

Các vấn đề khác: Đối với chiếc biển số 89K3-7638 Định khai nhận được trước đó trên đường đi, Cơ quan CSĐT – Công an huyện K đã tách ra xác minh xử lý sau.

Về số tiền bán mà bị cáo bán 02 cuộn lưới thép B40 cho anh Hoàng H Đ được 300.000 đồng đây là số tiền thu lời bất chính, do bị cáo H và Đ đã sử dụng chi tiêu chung hết, trong quá trình điều tra Công an huyện K xử lý hành chính đối với Đ về hành vi trộm cắp tài sản cùng bị cáo nhưng chưa xem xét đến khoản tiền thu lời bất chính này đối với Đ, tại phiên tòa hôm nay bị cáo H tự nguyện xin nộp toàn bộ số tiền thu lời bất chính là 300.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự truy thu của bị cáo sung công quỹ nhà nước, sau này xác định trách nhiệm giữa bị cáo và anh Đ sẽ xem xét bằng vụ án dân sự khác nếu các bên có yêu cầu.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn D H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn D H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/01/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Truy tịch thu của bị cáo Nguyễn D H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sung công quỹ nhà nước.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn D H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết nơi người vắng mặt cư trú./.

Nơi nhận :

- PhòngKTNV-THATANDtỉnhH2 Yên.
- VKSND Huyện Khoái Châu.
- VKSND Tỉnh Hưng Yên.
- CA huyện Khoái Châu.
- Bị cáo.
- UBND xã T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn T